TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/4/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*****:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 1103B tổ 2, khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 1103B tổ 2, khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn Th có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2013, quyển số 01/2012 ngày 08/7/2013. Vợ chồng sinh sống trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, ông Th không chăm lo cho gia đình, vợ con, có mối quan hệ bất chính với người phụ

nữ khác. Bà Y đã bỏ qua cho ông Th nhiều lần và cố gắng để vợ chồng hòa hợp nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Nguyễn Nhã Th, sinh ngày 03/6/2014 và Dương Nguyễn Tố Nh, sinh ngày 24/02/2017. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu ông Dương Văn Th cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn Th thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Y về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Ông Th thừa nhận trong thời gian chung sống với bà Y, ông Th có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng nay ông Th đã hối hận, ông Th còn yêu thương vợ con nên mong muốn bà Y cho ông Th cơ hội để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc con cái. Vì vậy, ông Th không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Th thống nhất lời trình bày của bà Y về con chung. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông Th đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng; ông Th đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn Th tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà Y xác định hiện nay vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Bị đơn ông Dương Văn Th không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Do vậy, bà Y yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Bà Y yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi các con; xét thấy hiện nay bà Y đang nuôi hai con, điều kiện

chăm sóc tốt và các con có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, ông Th không đồng ý ly hôn nhưng đồng ý giao hai con cho bà Y nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, đây là ý chí tự nguyện của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn Th có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2013, quyển số 01/2012 ngày 08/7/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông Th có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà Y đã nhiều lần tạo cơ hội để ông Th thay đổi nhưng sau đó cả hai vẫn không thể hoà hợp được, ông Th thừa nhận ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nay ông muốn bà Y cho ông một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm gia đình. Bà Y xác định không còn tình cảm với ông Th và yêu cầu được ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông Th là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Nguyễn Nhã Th, sinh ngày 03/6/2014 và Dương Nguyễn Tố Nh, sinh ngày 24/02/2017. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Dương Văn Th cấp dưỡng nuôi hai con. Hội đồng xét xử thấy, hiện tại cháu Th và cháu Nh đang sống cùng bà Y, bà Y có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Cháu Th cũng có nguyện vọng sống cùng bà Y nếu cha mẹ ly hôn. Mặc dù ông Th không đồng ý ly hôn tuy nhiên ông Th xác định trường hợp Tòa án cho ly hôn thì đồng ý giao hai con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông Th đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000

đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, xét đây là ý chí tự nguyện của bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Dương Văn Th.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Dương Văn Th.

- *Về con chung:* Giao hai con chung tên Dương Nguyễn Nhã Th, sinh ngày 03/6/2014 và Dương Nguyễn Tố Nh, sinh ngày 24/02/2017 cho bà Nguyễn Thị Y được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Dương Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Dương Nguyễn Nhã Th và Dương Nguyễn Tố Nh mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm

trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006706 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Dương Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm